

Số: **38** /2019/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **30** tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức chi thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày **09** tháng **01** năm **2020**.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Sở, Ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm TH- CB;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, KT. **08**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm

QUY ĐỊNH

Mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~38~~2019/QĐ-UBND ngày ~~30/12~~2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định cụ thể mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 43) và Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08).

2. Mức chi không quy định trong Quy định này thực hiện theo Thông tư số 43; Thông tư số 08 và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 43 và Khoản 2, Điều 1, Thông tư số 08.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mức kinh phí Quy hoạch xây dựng nông thôn mới cho cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 5/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Điều 5. Mức chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn hiệu sản phẩm

theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 vụ/chu kỳ sản xuất thuộc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm

1. Mức chi hỗ trợ giống, các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi)

a) Hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo.

b) Hỗ trợ 70% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn xã bãi ngang.

c) Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn còn lại.

2. Mức chi hỗ trợ bao bì sản phẩm

Hỗ trợ 50% chi phí bao bì sản phẩm.

3. Mức chi hỗ trợ nhãn hiệu sản phẩm

Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/nhãn hiệu, không quá 08 triệu đồng/1 nhãn hiệu độc quyền và không quá 30 triệu đồng/nhãn hiệu đối với nhãn hiệu tập thể.

Điều 6. Mức chi hỗ trợ học phẩm, tài liệu học tập thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ

1. Danh mục tên học phẩm, số lượng học phẩm hỗ trợ các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm, như sau:

Số TT	Tên học phẩm	Đơn vị tính	Số lượng (học sinh/năm học)
1	Giấy trắng kẻ hoặc vở thép đóng sẵn	Thếp	30
2	Cặp học sinh	Cái	1
3	Bút bi	Cái	20
4	Bút chì đen	Cái	2
5	Hộp chì màu	Hộp	1
6	Tây	Cái	1
7	Bộ com pa, thước đo độ	Bộ	1
8	Dao con hoặc kéo	Cái	1
9	Hồ dán	Lọ	2
10	Giấy màu thủ công	Tờ	15
11	Bìa bọc đóng vở học sinh	Tờ	12
12	Thước kẻ	Cái	1

2. Mức hỗ trợ chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm, như sau:

a) Hỗ trợ chi thấp sáng ban đêm: 150.000 đồng/lớp/tháng, hỗ trợ theo thời gian thực học.

b) Hỗ trợ chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập: 100.000 đồng/lớp.

c) Hỗ trợ chi mua sách giáo khoa dùng chung:

- Lớp phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ và tiếp tục sau khi biết chữ: 850.000 đồng/01 lớp.

- Lớp phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 1.130.000 đồng/01 lớp.

Điều 7. Mức hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán; cải tạo cảnh quan môi trường xanh- sạch- đẹp

1. Mức hỗ trợ hoạt động thu gom chất thải sinh hoạt tại các xã đặc biệt khó khăn, các làng nghề truyền thống, làng nghề được công nhận thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ:

Hỗ trợ 100% chi phí đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ công tác thu gom (thùng chứa rác, thùng ủ rác, sọt rác).

2. Mức hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách xây dựng hố rác di động để tự phân loại và xử lý chất thải rắn tại gia đình:

Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng hố rác di động.

3. Mức hỗ trợ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán:

Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng mô hình nước thải sinh hoạt hộ gia đình (Bể tự hoại).

4. Mức hỗ trợ thực hiện công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, tập huấn, tham quan, học tập các mô hình về quản lý, thu gom và xử lý chất thải, nước thải cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh và các văn bản khác có liên quan.

5. Mức hỗ trợ mua cây và hạt giống, phân bón, xây dựng bồn cây dọc các tuyến đường theo quy hoạch:

Hỗ trợ 100% chi phí mua cây và hạt giống, phân bón, xây dựng bồn cây dọc các tuyến đường theo quy hoạch.

6. Mức hỗ trợ cải tạo, phục hồi môi trường diện tích mặt nước công cộng trong khu vực dân cư (gồm ao, hồ, kênh, mương, sông) để xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn:

a) Yêu cầu kỹ thuật chất lượng nước theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	PH		6 -8,5
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	4
3	COD	mg/l	10

4	Ô xy hòa tan (DO)	mg/l	≥ 6
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	20
6	Amoni (NH ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3

b) Mức hỗ trợ xử lý, phục hồi môi trường nước công cộng khu dân cư (ao, hồ, kênh, mương,...)

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (đồng)
1	Sên, vét bùn đáy ao	m ³	5.000
2	Bón vôi bột CaO (100 kg/1000 m ²)	kg	3.000
3	Xử lý nước (bằng Chlorine nồng độ 30ppm, 30kg/1.000 m ³)	kg	70.000
4	Nhân công xử lý	Ngày công	250.000

Điều 8. Mức hỗ trợ in ấn, phát hành các tài liệu, xuất bản phẩm, ấn phẩm tuyên truyền, xuất bản sách, sổ tay và các hoạt động khác có liên quan

TT	Nội dung hỗ trợ	Quy cách	ĐVT	Mức hỗ trợ (đồng)
1	Tờ bướm tuyên truyền Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới	C200 in 4 màu 2 mặt. Khổ 20 x 29 cm	01 Tờ	3.800
2	Quyển tài liệu, sổ tay tuyên truyền xây dựng nông thôn mới (từ 50 trang trở lên)	Bìa C150 in 4 màu, cán PE. Ruột For 80 in 2 mặt. Khổ 20 x 29 cm	01 Quyển	50.000

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới đối với cấp xã; việc thực hiện xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh; việc thực hiện xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh; việc xây dựng bồn cây dọc các tuyến đường theo quy hoạch.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ giống, vật tư thuộc dự án phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị, gắn với sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; việc thực hiện hỗ trợ mua cây và hạt giống, phân bón dọc các tuyến đường theo quy hoạch; việc thực hiện hỗ trợ cải tạo, phục hồi môi trường diện tích mặt nước công cộng

trong khu vực dân cư (gồm ao, hồ, kênh, mương, sông); việc thực hiện in ấn, phát hành các tài liệu, xuất bản phẩm, ấn phẩm tuyên truyền, xuất bản sách, sổ tay và các hoạt động khác có liên quan.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ học phẩm, tài liệu học tập thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ thu gom, xử lý chất thải rắn; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phân tán.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ bao bì, nhãn hiệu sản phẩm.

6. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổng hợp, tham mưu phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; kiểm tra việc cấp phát, quản lý, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ quy định tại Quyết định này.

7. Các Sở, ban ngành tỉnh có liên quan trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ được giao chỉ đạo thực hiện các quy định tại Quyết định này.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện; UBND cấp xã thực hiện tốt các nội dung hỗ trợ tại Quyết định này.

b) Tổ chức huy động các nguồn lực và chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung được hỗ trợ quy định tại Quyết định này và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo tỉnh.

d) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện; UBND cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách hỗ trợ thực hiện dự án đến nhân dân trên địa bàn; công khai về cơ chế thực hiện, mức hỗ trợ, vận động nhân dân đóng góp ngày công lao động, huy động nguồn lực đối ứng để thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch và kế hoạch được duyệt.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Khi văn bản được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tương ứng trong các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm